

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 198/2022/HNGĐ - ST

Ngày: 28 - 12- 2022.

V/v ly hôn giữa chị B và anh H.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hùng Phương.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Đức Chạc;

2. Bà Dương Thị Vui.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Tuấn Tú – Thư ký Tòa án nhân dân huyện N tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hằng – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 115/2022/TLST - HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2022. Về tranh chấp xin ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 45/2022/QĐST – HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Phạm Thị B – Sinh năm: 1985;

Địa chỉ: Đội 8 N, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

* Bị đơn: Anh Vũ Văn H – Sinh năm: 1987;

Địa chỉ: Đội 8 N, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa có mặt chị B, vắng mặt anh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện lập ngày 07/6/2022 cũng như lời khai của nguyên đơn là chị Phạm Thị B tại phiên tòa thể hiện: Chị kết hôn với anh Vũ Văn H vào tháng 10 năm 2007 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống hòa thuận hạnh phúc, đến

năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, anh H mãi chơi, thường xuyên rượu chè say xỉn không quan tâm đến gia đình. Mặc dù chị đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh H vẫn không thay đổi dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng càng trầm trọng. Đến tháng 5/2022 thì chị cùng các con về nhà bố mẹ đẻ để ở, vợ chồng chị sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh H không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện N xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vũ Văn H.

Về con chung: Chị Phạm Thị B xác định giữa chị và anh H có ba con chung là cháu Vũ Thị Thanh H, sinh ngày 01/7/2008; cháu Vũ Tuấn H, sinh ngày 02/9/2013 và cháu Vũ Tuấn A, sinh ngày 04/11/2016 (Hiện ba con đang do chị B chăm sóc nuôi dưỡng). Ly hôn chị B xin nhận trực tiếp nuôi cả ba con và không yêu cầu anh H phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung: Chị Phạm Thị B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Phạm Thị B đề nghị giải quyết theo quy định.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Vũ Văn H mặc dù đã được tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng sau khi nhận anh H không ký vào biên bản giao nhận văn bản tố tụng và Biên bản làm việc của Tòa án. Vì vậy Tòa án nhân dân huyện N cùng với chính quyền xã N đã niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa hôm nay anh H vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến xét xử tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán thụ lý giải quyết cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 6 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Xử lý hôn giữa chị Phạm Thị B và anh Vũ Văn H; Về con chung: Giao cháu Vũ Thị Thanh H, sinh ngày 01/7/2008; cháu Vũ Tuấn H, sinh ngày 02/9/2013 và cháu Vũ Tuấn A, sinh ngày 04/11/2016 cho chị Phạm Thị B trực tiếp nuôi dưỡng, anh H không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị B. Về án phí: đề nghị tuyên theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Phạm Thị B và anh Vũ Văn H đều đăng ký hộ khẩu và cư trú tại xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Nay chị Phạm Thị B xin ly hôn anh Vũ Văn H và Tòa án nhân dân huyện N thụ lý giải quyết vụ án là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay anh Vũ Văn H vắng mặt nhưng anh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa chị Phạm Thị B và anh Vũ Văn H vào tháng 10 năm 2007 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Nam Định là một hôn nhân tự do, tiến bộ và có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân, anh H mãi chơi, thường xuyên rượu chè say xỉn không quan tâm đến gia đình dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Đến tháng 5/2022 thì vợ chồng chị B anh H sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị B đề nghị xin được ly hôn với anh H. Anh H đã biết và có quan điểm không nhất trí ly hôn nhưng cố tình không ký biên bản, không hợp tác giải quyết vụ án. Tòa án nhân dân huyện và chính quyền xã N đã phải niêm yết công khai các văn bản tố tụng đối với anh H. Quan điểm Viện kiểm sát đề nghị giải quyết cho ly hôn.

Hội đồng xét xử thấy: Trên thực tế mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Phạm Thị B và anh Vũ Văn H ngày một trầm trọng, hôn nhân đã tan vỡ. Mặc dù đã được hai bên gia đình động viên khuyên giải nhưng vẫn không đạt kết quả do vậy khả năng đoàn tụ không còn, nay chị B xin ly hôn anh H xét thấy có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Phạm Thị B xác định giữa chị và anh Vũ Văn H có ba con chung là cháu Vũ Thị Thanh H, sinh ngày 01/7/2008; cháu Vũ Tuấn H, sinh ngày 02/9/2013 và cháu Vũ Tuấn A, sinh ngày 04/11/2016 (Hiện ba con đang do chị B chăm sóc nuôi dưỡng). Ly hôn chị B xin nhận trực tiếp nuôi ba con và không yêu cầu anh H phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Phía anh H không có quan điểm về việc giải quyết nuôi con chung.

Hội đồng xét xử thấy: Quan điểm nuôi con chung của chị B là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội bản thân chị B đang đi làm công ty có thu nhập ổn định. Mặt khác cháu Hiền và cháu Hưng đều có nguyện vọng xin được ở với mẹ nên được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Chị Phạm Thị B không yêu cầu Tòa án giải quyết vì vậy không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm chị Phạm Thị B phải nộp theo quy định của pháp luật.

[6] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện N là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56; 81; 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 6 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

1 - Xử lý hôn giữa chị Phạm Thị B và anh Vũ Văn H.

2 - Về con chung: Xử giao con chung của vợ chồng là cháu Vũ Thị Thanh H, sinh ngày 01/7/2008; cháu Vũ Tuấn H, sinh ngày 02/9/2013 và cháu Vũ Tuấn A, sinh ngày 04/11/2016 cho chị Phạm Thị B trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Anh H không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị B. Không ai được ngăn cản quyền chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng và thăm nom con chung.

3 - Về án phí dân sự sơ thẩm chị Phạm Thị B phải nộp 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị B đã nộp theo biên lai số 0000754 ngày 02/8/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N, chị B đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho người có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự;

thời H thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã N;
- Lưu văn phòng; HSVA.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Phạm Hùng Phương